

**DEVELOPING THE COMPETENCY TO ORGANIZE ACTIVITIES INTRODUCING CHILDREN TO MATH FOR EARLY CHILDHOOD EDUCATION STUDENTS AT DONG THAP UNIVERSITY**

Nguyen Thi Yen Phi

*Faculty of Primary and Pre-School Education,  
School of Education, Dong Thap University,  
Dong Thap province, Vietnam.*

\*Corresponding author: Nguyễn Thị Yến Phi,  
e-mail: ntyphi@dthu.edu.vn

Received August 21, 2024.  
Revised September 22, 2024.  
Accepted October 2, 2024.

**PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN TRẺ LÀM QUEN VỚI TOÁN CHO SINH VIÊN GIÁO DỤC MẦM NON TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP**

Nguyễn Thị Yến Phi

*Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non,  
Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp,  
tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.*

\*Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Yến Phi,  
e-mail: ntyphi@dthu.edu.vn

Ngày nhận bài: 21/8/2024.  
Ngày sửa bài: 22/9/2024.  
Ngày nhận đăng: 2/10/2024.

**Abstract.** The competency in organizing educational activities is a professional competency formed and developed through systematic learning, practice, and accumulation of knowledge, skills, and psychological attributes, ensuring the individual completes a task in a given context. Developing the competency to organize educational activities contributes to achieving the goals and requirements of the early childhood education program. In this article, we based on theoretical foundations and practical training in the Early Childhood Education bachelor's program to propose a competency framework for organizing activities that introduce young children to mathematics. It also outlines several measures to develop the competency to organize math familiarization activities for Early Childhood Education students at Dong Thap University.

**Keywords:** competency development, early childhood education, familiarisation with math, organizing activities.

**Tóm tắt.** Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục là một dạng năng lực nghề nghiệp được hình thành và phát triển thông qua quá trình học tập, rèn luyện, tích lũy kiến thức, kỹ năng và các thuộc tính tâm lý một cách có hệ thống đảm bảo cá nhân thực hiện thành công một nhiệm vụ trong một hoàn cảnh nhất định. Phát triển năng lực tổ chức hoạt động giáo dục là góp phần đạt mục tiêu và yêu cầu của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non. Dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Mầm non, bài viết đưa ra cấu trúc năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán để định hướng một số biện pháp Phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp.

**Từ khóa:** giáo dục mầm non, làm quen với Toán, phát triển năng lực, tổ chức hoạt động.

## 1. Mở đầu

Làm quen với toán là một trong những hoạt động của trẻ ở trường mầm non có vai trò quan trọng trong việc phát triển tư duy, phát triển năng lực học tập và góp phần hình thành nhân cách cho trẻ. Các hoạt động làm quen với toán góp phần hình thành biểu tượng ban đầu về toán cho trẻ mầm non, nhờ đó trẻ lĩnh hội được những kiến thức sơ đẳng về toán [1]. Để thực hiện tốt vai trò

hướng dẫn, tổ chức, định hướng giáo dục cho trẻ làm quen với các biểu tượng sơ đẳng về toán, giáo viên mầm non (GVMN) phải có những hiểu biết về nội dung chương trình cho trẻ làm quen với toán (LQVT), về kết quả mong đợi, về đặc điểm nhận thức của trẻ, về các phương pháp tổ chức hoạt động (TCHĐ) LQVT, về các hình thức tổ chức LQVT,... Do đó, ngay từ năm đầu tiên sinh viên cần phải rèn luyện kỹ năng tự học, từ đó hình thành và phát triển năng lực dạy học thông qua các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Liên quan đến NL TCHĐ cho trẻ LQVT, có nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đề cập đến như: (1) Đề xuất tám năng lực cần thiết cho sinh viên ngành GDMN: Năng lực (NL) chuyên môn, NL tìm hiểu đối tượng, NL quan sát, NL TCHĐ, NL giao tiếp sư phạm, NL tự học, NL quản lý lớp, NL sử dụng công nghệ thông tin để phát triển NL TCHĐ cho trẻ LQVT [2]; (2) Đề phát triển năng lực tổ chức hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với toán cho SV ngành GDMN cần: Phát triển chương trình môn học TCHĐ LQVT theo hướng phát triển năng lực của SV, Xây dựng, thực hiện kế hoạch dạy học TCHĐ LQVT và rèn luyện NVSP cho SV theo hướng PTNL, Tổ chức đánh giá kết quả, xây dựng/ điều chỉnh kế hoạch phát triển NL TCHĐ LQVT cho trẻ mầm non [3]; (3) Năng lực TCHĐ cho SV ngành GDMN gồm 4 NL cốt lõi: NL chuẩn bị tổ chức hoạt động, NL thiết kế kế hoạch, NL thực hiện kế hoạch, NL đánh giá kết quả [3], [4],... Thông qua quá trình giảng dạy, nghiên cứu cơ sở lí luận và thu thập thông tin, tác giả đồng quan điểm với cấu trúc gồm các nhóm năng lực cần thiết cho sinh viên ngành GDMN tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán đã nêu. Tuy nhiên, việc phát triển NL TCHĐ như thế nào còn ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, và yếu tố quan trọng nhất chúng tôi cho là đặc điểm nhận thức của cá nhân SV, giảng viên với vai trò là người định hướng, cố vấn và điều chỉnh. Bài viết này dựa trên thực trạng khảo sát năng lực TCHĐ hướng dẫn trẻ làm quen với toán của SV ngành GDMN Trường Đại học Đồng Tháp, đề xuất biện pháp phát triển năng lực (PTNL) TCHĐ cho trẻ LQVT để giúp sinh viên định hướng cách thức rèn luyện, phát triển năng lực TCHĐ cho trẻ LQVT. Nếu các biện pháp này đạt hiệu quả sẽ góp phần nâng cao năng lực nghề nghiệp cho giáo viên mầm non, góp phần đào tạo được đội ngũ giáo viên mầm non chất lượng cao trong tương lai thực hiện đồng bộ và hiệu quả nhiệm vụ đổi mới GD.

## **2. Nội dung**

### **2.1. Khái niệm và thành phần năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán của sinh viên ngành GDMN**

#### **2.1.1. Khái niệm năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán của sinh viên ngành GDMN**

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về định nghĩa “năng lực”. Mỗi định nghĩa thể hiện một góc nhìn về năng lực, thể hiện sự phức tạp của khái niệm và khó có thể thống nhất một định nghĩa “tốt nhất” cho mọi hoàn cảnh, lĩnh vực, yêu cầu, tuy nhiên, có 3 cách hiểu về thuật ngữ năng lực: quy năng lực về phạm trù khả năng (ability, capacity, possibility); xem năng lực là một điều kiện tâm lí cá nhân để hoàn thành có kết quả một hoạt động nào đó; xem năng lực là đặc điểm, phẩm chất hoặc thuộc tính của cá nhân [5]. Hoffman (1999) cho rằng không nhất thiết phải có một định nghĩa chung thống nhất về năng lực mà quan trọng cần xác định lí do tại sao chúng ta cần định nghĩa NL [6]. Theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT “NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tổ chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể. Có thể thấy NL có những đặc trưng sau: mỗi NL gắn với một hoạt động cụ thể, tức là được hình thành, bộc lộ và thể hiện qua hoạt động; Đảm bảo hoạt động có hiệu quả; Tri thức, kỹ năng là điều kiện cần thiết để hình thành NL; NL góp phần cho quá trình lĩnh hội tri thức, kỹ năng trong lĩnh vực hoạt động nhất định được nhanh chóng, thuận lợi; NL là sự phối hợp, sự tổng hợp, sự huy động nhiều nguồn lực: kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm, thái độ và sự hứng thú [7].

Năng lực nghề nghiệp (NLNN) là khả năng chủ thể thực hiện các hoạt động trong phạm vi nghề nghiệp đạt tới các trình độ, mức độ thực hiện mong đợi cần thiết [8]. Năng lực nghề nghiệp của cá nhân được hiểu là khả năng chủ thể biết thực hiện được toàn bộ vai trò lao động hay phạm vi công việc [9]. Năng lực nghề nghiệp là tổ hợp các thành tố kiến thức, kỹ năng, thái độ nghề nghiệp đảm bảo cho chủ thể thực hành tốt công việc theo chuẩn đầu ra quy định trong những tình huống hoặc nhiệm vụ nghề nghiệp nhất định. Năng lực nghề nghiệp vốn không có sẵn trong con người, không phải là những phẩm chất bẩm sinh, nó hình thành và phát triển qua hoạt động học tập và lao động [10].

Năng lực nghề nghiệp của Giáo viên mầm non: Năng lực nghề nghiệp của GV mầm non là tổ hợp các thuộc tính sinh lí, tâm lí và xã hội của cá nhân, cho phép họ thực hiện thành công nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ, ứng xử đạo đức và giao tiếp văn hóa trong hoạt động nghề [11]. NL sư phạm là những kiến thức, kỹ năng, phẩm chất mà GVMN cần để đảm bảo chăm sóc và GD có chất lượng với trẻ nhỏ và với gia đình trẻ. Trong đó, NL của GVMN gồm 12 lĩnh vực sau: 1) Hiểu biết về tâm lí phát triển và việc học tập; 2) Nắm bắt văn hóa: Đa dạng và công bằng; 3) Kỹ năng thiết lập mối quan hệ, giao tiếp và hướng dẫn trẻ; 4) Đảm bảo sự tham gia của gia đình, cộng đồng; 5) Khả năng phát triển ngôn ngữ cho trẻ; 6) Kỹ năng quan sát, sàng lọc và đánh giá, quản lí hồ sơ; 7) Kiến thức về trẻ có nhu cầu đặc biệt và GD hòa nhập; 8) Xây dựng môi trường học tập và phát triển chương trình; 9) Kiến thức về sức khỏe, an toàn và dinh dưỡng; 10) Làm việc nhóm trong lĩnh vực GDMN; 11) Tính chuyên nghiệp; 12) Quản lí và giám sát [12]. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp yêu cầu NL nghề nghiệp mà SV ngành GDMN cần đạt cũng được thể hiện rõ ở chuẩn đầu ra với ba yếu tố: 1) Kiến thức; 2) Kỹ năng; 3) NL tự chủ và trách nhiệm [13].

Làm quen với toán là một nội dung của lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức – một trong các lĩnh vực giáo dục trẻ mầm non trong chương trình giáo dục mầm non. Clements và Sarama (2020) đã khẳng định vai trò của toán học với sự thành công của trẻ trong tương lai, họ chỉ ra rằng xây dựng lộ trình học tập cho trẻ mầm non là mở ra cánh cửa để trẻ nhìn nhận và học toán một cách vui vẻ và thú vị [14]. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về Toán là một trong những kỹ năng quan trọng cần hình thành cho trẻ ở độ tuổi mầm non, tạo tiền đề để trẻ bước vào Lớp 1 tiểu học và cho việc học tập suốt đời [15].

Năng lực tổ chức HĐ hướng dẫn trẻ làm quen với toán là một NL thành phần nằm trong nhóm các NL sư phạm, các nhóm NL này là một bộ phận không thể thiếu được trong cấu trúc nhân cách của người GVMN tương lai. Năng lực tổ chức HĐ hướng dẫn trẻ làm quen với toán của SV thể hiện ở kỹ năng triển khai các HĐ đã được thiết kế trong kế hoạch giảng dạy, giáo án một cách chính xác, mạch lạc, logic, đảm bảo: trẻ yêu thích HĐ, trẻ hiểu bài, trẻ tham gia hăng hái, nhiệt tình vào HĐ [3]. Việc tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán là tạo cơ hội cho đứa trẻ phát triển tư duy như đưa ra các tình huống có vấn đề để trẻ phải đưa ra chiến lược giải quyết, suy luận logic, tưởng tượng, đặt câu hỏi, giao tiếp bằng lời nói các ý tưởng Toán học, sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ, sử dụng kí hiệu, sơ đồ để thảo luận... hướng đến 3 kỹ năng cần được phát triển trong quá trình LQVT là: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng suy luận bằng Toán học và kỹ năng sử dụng thuật ngữ Toán học để giao tiếp [16].

Qua phân tích hoạt động dạy học có chủ đích trong một tiết học của giáo viên mầm non cho thấy các năng lực tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với toán là: NL chuẩn bị lập kế hoạch dạy học, NL thiết kế kế hoạch dạy học, NL thực hiện kế hoạch dạy học, NL đánh giá kết quả học tập.

### **2.1.2. Cấu trúc năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán của sinh viên ngành GDMN**

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non là một trong những căn cứ để cơ sở đào tạo giáo viên xây dựng, phát triển chương trình và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non; là hệ thống phẩm chất, năng lực mà giáo viên cần đạt được để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non được xây dựng gồm 5 tiêu chuẩn và 15 tiêu chí, mỗi tiêu chí có 3 mức độ: mức đạt, mức khá, mức tốt để chỉ cấp độ đạt được trong phát triển phẩm chất, năng lực nghề nghiệp GVMN [17]. Như vậy, nội dung của chuẩn nghề nghiệp GVMN là hệ thống các phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, xây dựng môi trường giáo dục, thiết lập các mối quan hệ, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi tập trung nghiên cứu tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn nghiệp vụ và cụ thể là năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán. Năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán thể hiện ở những năng lực thành phần:

- Năng lực chuẩn bị lập kế hoạch: Để xây dựng được kế hoạch hoạt động, người tổ chức cần phải chuẩn bị các nội dung như: xác định mục tiêu của hoạt động (dựa vào nội dung chương trình, đặc điểm nhận thức của trẻ ở từng độ tuổi, ở từng biểu tượng toán); xác định được các hoạt động chủ yếu, thiết kế được các hoạt động chi tiết (trò chơi học tập; mô phỏng hoạt động của giáo viên và trẻ); dự đoán được một số tình huống có thể xảy ra;...

- Năng lực thiết kế kế hoạch dạy học: Để thực hiện được kế hoạch dạy học giúp trẻ đạt được kết quả mong đợi, người GVMN cần chuẩn bị đồ chơi học tập; sách; vật liệu thủ công; các tài liệu giáo trình; góc chơi; môi trường học tập;... phù hợp nội dung hoạt động, phù hợp lứa tuổi, phù hợp điều kiện cơ sở vật chất và môi trường học tập.

- Năng lực thực hiện/triển khai kế hoạch dạy học: Để giúp trẻ đạt được mục tiêu làm quen với biểu tượng toán, người GVMN cần vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ, điều kiện cơ sở vật chất, môi trường học tập để đảm bảo rằng trẻ hoạt động tích cực, thú vị và phát triển.

- Năng lực đánh giá kết quả học tập: Để đánh giá hiệu quả kết quả học tập của trẻ người GVMN cần biết các phương pháp, hình thức, kỹ thuật quan sát, đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau vì sự tiến bộ của trẻ. Dựa vào phản hồi từ quá trình đánh giá, có thể điều chỉnh kế hoạch và phương pháp để cải thiện HĐ trong tương lai.

### **2.1.3. Kết quả khảo sát năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp**

Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non là đào tạo cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp đảm nhận tốt nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN, đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế; có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, tinh thần hợp tác, thân thiện, khả năng nghiên cứu khoa học và cung cấp các dịch vụ cộng đồng góp phần phát triển chất lượng ngành GDMN của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non gồm các học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở nhóm ngành, cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực hành thực tập nghề nghiệp,...) giúp cho SV rèn luyện năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề nhằm phát triển năng lực nghề nghiệp của một GVMN tương lai [17]. Thực tế, trong quá trình học tập và rèn luyện, SV dần hình thành và phát triển được năng lực nghề nghiệp tùy vào đặc điểm nhận thức của bản thân. Để đánh giá đúng thực trạng năng lực TCHĐ hướng dẫn trẻ LQVT của SV ngành GDMN tại Trường Đại học Đồng Tháp, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi cho SV ngành GDMN

#### **a. Mục tiêu khảo sát**

Thu thập thực tế khách quan năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán hiện có của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp. Dựa trên năng lực hiện có, xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến năng lực TCHĐ hướng dẫn trẻ LQVT và định hướng một số biện pháp giúp sinh viên phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán.

### **b. Đối tượng và thời gian khảo sát**

- Đối tượng: Sinh viên đại học ngành GDMN năm thứ 3, học kì 2, năm học 2023 -2024 (tức là sinh viên ĐHGDMN21 các lớp A,B,C đang thực hiện học kì 6 theo tiến độ, sau khi sinh viên hoàn thành chương I. Những vấn đề chung (vai trò, nhiệm vụ môn học; những vấn đề cơ bản của chương trình cho trẻ làm quen với toán; đặc điểm nhận thức của trẻ đối với nội dung làm quen với biểu tượng toán; các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học cho trẻ làm quen với toán; một số vấn đề liên quan trò chơi học tập toán, ...) và hoàn thành học phần thực tập cơ sở tại cơ sở giáo dục mầm non – sinh viên được dự giờ đủ cả 4 lĩnh vực) khi sinh viên đang học học phần Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với toán). Tổng số sinh viên thực hiện khảo sát 128/128 sinh viên.

- Thời gian tiến hành: từ ngày 18.3.2024 đến ngày 05.4.2024

Lí do: Sinh viên đã học xong chương 1 - những vấn đề chung của học phần phương pháp cho trẻ làm quen với toán, chuẩn bị học chương 2 - thực hành thiết kế KHDH và tổ chức hoạt động hướng dẫn cho trẻ làm quen với toán. Do thời gian nghiên cứu không nhiều, trong bài viết này tác giả chỉ trình bày một số biện pháp đã được áp dụng cho lớp thực nghiệm giúp cho sinh viên lớp thực nghiệm phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán đạt hiệu quả tốt hơn.

### **c. Phương pháp khảo sát**

Khảo sát bằng phiếu hỏi. Chúng tôi sử dụng thang đo 4 mức độ (1: Chưa có năng lực; 2: Năng lực thấp; 3: Có năng lực; 4: Năng lực tốt) giúp sinh viên xác định được năng lực hiện có, đề ra yêu cầu cần đạt cho bản thân để định hướng thực hiện được tốt hơn.

### **d. Kết quả khảo sát**

**Bảng 1. Năng lực chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ làm quen với toán của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp**

STT	Nội dung đánh giá	Số lượng (tỉ lệ %)			
		1	2	3	4
1	Phân tích nội dung chương trình liên quan đến cho trẻ LQVT	20 (15,6%)	68 (53,1%)	23 (18%)	17 (13,3%)
2	Phân tích kết quả mong đợi trẻ LQVT trong chương trình giáo dục mầm non	19 (14,8%)	65 (50,8%)	31 (24,2%)	13 (10,2%)
3	Phân tích đặc điểm nhận thức của trẻ đối với hoạt động làm quen với biểu tượng toán theo từng độ tuổi	23 (18%)	51 (39,8%)	40 (31,3%)	14 (10,9%)
4	Xác định mục tiêu kế hoạch hoạt động cho trẻ làm quen với biểu tượng toán	18 (14,1%)	71 (55,4)	24 (18,8%)	15 (11,7%)

Kết quả khảo sát năng lực chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể như sau:

- Sinh viên *chưa có năng lực* trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 18/128 (đạt 14,1%) đến 23/128 (đạt 18%)

- Sinh viên *có năng lực thấp* trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 51/128 (đạt 39,8%) đến 71/128 (đạt 55,4%)

- Sinh viên *có năng lực* trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 23/128 (đạt 18%) đến 40/128 (đạt 31,3%)

- Sinh viên *có năng lực tốt* trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 13/128 (đạt 10,2%) đến 17/128 (đạt 13,3%)

Kết quả cho thấy, tỉ lệ sinh viên có năng lực và năng lực thấp trong việc chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT khá cao, chiếm hơn một nửa số lượng sinh viên được khảo sát.

**Bảng 2. Năng lực thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp**

STT	Nội dung đánh giá	Số phiếu (tỉ lệ %)			
		1	2	3	4
1	Xác định mục tiêu của đề tài cho trẻ làm quen toán	15 (11,7%)	71 (55,5%)	24 (18,8%)	18 (14,1%)
2	Xây dựng các hoạt động cụ thể	17 (13,3%)	63 (49,2%)	33 (25,8%)	15 (11,7%)
3	Phân bố thời gian phù hợp với từng hoạt động chủ yếu	20 (15,6%)	46 (35,9%)	40 (31,3%)	22 (17,2%)
4	Lựa chọn phương pháp tổ chức hoạt động	17 (13,3%)	63 (49,2%)	33 (25,8%)	15 (11,7%)
5	Lựa chọn phương tiện hỗ trợ tổ chức hoạt động	17 (13,3%)	63 (49,2%)	33 (25,8%)	15 (11,7%)
6	Thiết kế trò chơi học tập	13 (10,2%)	67 (52,3%)	29 (22,7%)	19 (14,8%)
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế kế hoạch hoạt động hướng dẫn cho trẻ làm quen với toán	16 (12,5%)	61 (47,7%)	35 (27,3%)	16 (12,5%)

Kết quả khảo sát năng lực thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể như sau:

- Sinh viên *chưa có năng lực* trong việc thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 13/128 (đạt 10,2%) đến 17/128 (đạt 13,3%)

- Sinh viên *có năng lực thấp* trong việc thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 46/128 (đạt 35,9%) đến 71/128 (đạt 55,4%)

- Sinh viên *có năng lực* trong việc thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 24/128 (đạt 18,8%) đến 40/128 (đạt 31,3%)

- Sinh viên *có năng lực tốt* trong việc thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 15/128 (đạt 11,7%) đến 22/128 (đạt 17,2%)

Kết quả cho thấy, số lượng sinh viên có năng lực thấp trong việc thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT chiếm gần như gấp đôi số lượng sinh viên có năng lực, và gấp 3 lần sinh viên có năng lực tốt

**Bảng 3. Năng lực triển khai/ thực hiện kế hoạch hoạt động hướng dẫn cho trẻ làm quen với biểu tượng toán của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp**

STT	Nội dung đánh giá	Số phiếu (Tỉ lệ %)			
		1	2	3	4
1	Tạo hứng thú cho trẻ tham gia hoạt động	10 (7,8%)	51 (39,8%)	49 (38,3%)	18 (14,1%)
2	Vận dụng các phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm nhận thức, môi trường học tập của trẻ	11 (8,6%)	30 (23,4%)	60 (46,7%)	27 (21,1%)

3	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tổ chức hướng dẫn cho trẻ làm quen với biểu tượng toán	16 (12,5%)	61 (47,7%)	35 (27,3%)	16 (12,5%)
4	Giám sát thời gian tổ chức từng hoạt động	20 (15,6%)	46 (35,9%)	40 (31,3%)	22 (17,2%)
5	Xử lý các tình huống sự phạm phát sinh một các hợp lí và hiệu quả	4 (4,7%)	40 (31,3%)	50 (39,1%)	32 (25%)

Kết quả khảo sát năng lực triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể như sau:

- Sinh viên *chưa có năng lực* trong việc triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 4/128 (đạt 4,7%) đến 20/128 (đạt 15,6%)

- Sinh viên *có năng lực thấp* trong việc triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 30/128 (đạt 23,4%) đến 61/128 (đạt 47,7%)

- Sinh viên *có năng lực* trong việc triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 35/128 (đạt 27,3%) đến 60/128 (đạt 46,7%)

- Sinh viên *có năng lực tốt* trong việc triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT: từ 16/128 (đạt 12,5%) đến 32/128 (đạt 25%)

Kết quả cho thấy, phần đa sinh viên có năng lực trong việc triển khai/ thực hiện kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT

**Bảng 4. Năng lực đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp**

STT	Nội dung đánh giá	Số phiếu (Tỉ lệ %)			
		1	2	3	4
1	Đặt ra tiêu chí đánh giá phù hợp từng đối tượng trẻ	23 (18%)	51 (39,8%)	44 (34,4%)	10 (7,8%)
2	Quan sát quá trình tham gia hoạt động của trẻ	20 (15,6%)	42 (32,8%)	44 (34,4%)	22 (17,2%)
3	Ghi chép, đánh giá quá trình tham gia hoạt động của trẻ	11 (8,6%)	32 (25%)	58 (45,3%)	27 (21,1%)

Kết quả khảo sát năng lực đánh giá đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể như sau:

- Sinh viên *chưa có năng lực* trong việc đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT: từ 11/128 (đạt 8,6%) đến 23/128 (đạt 18%).

- Sinh viên *có năng lực thấp* trong việc đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT: từ 32/128 (đạt 25%) đến 51/128 (đạt 39,8%).

- Sinh viên *có năng lực* trong việc đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT: từ 44/128 (đạt 34,4%) đến 58/128 (đạt 45,3%).

- Sinh viên *có năng lực tốt* trong việc đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT: từ 10/128 (đạt 7,8%) đến 27/128 (đạt 21,1%).

Kết quả cho thấy, số lượng sinh viên có năng lực hoặc năng lực thấp gần như gấp đôi số lượng sinh viên chưa có năng lực hay có năng lực tốt trong việc đánh giá kết quả dạy học cho trẻ LQVT.

Qua đó, chúng tôi thấy rằng phần lớn sinh viên đều có năng lực thấp hoặc có năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán với nhiều nguyên nhân khách quan: sinh viên

chưa được hướng dẫn cụ thể, sinh viên thiết kế được kế hoạch dạy học thông qua một số giáo án mẫu, sinh viên được tham dự một số ít các tiết dạy mẫu,... Do đó, cần phải rèn luyện, tích lũy thêm kiến thức, kỹ năng, thái độ học tập nhiều hơn nữa để đạt được mục tiêu đề ra. Qua thực tiễn khảo sát cả sinh viên và giảng viên đều định hướng được cần phải tiếp tục rèn luyện và tích lũy để đạt chuẩn đầu ra học phần, chương trình đào tạo nói riêng, hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non nói chung.

## **2.2. Đề xuất một số biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Đồng Tháp**

Để phát triển năng lực TCHĐ hướng dẫn LQVT, sinh viên cần phải thường xuyên học tập, thực hành, luyện tập một cách có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống các hoạt động, các phương pháp LQVT dưới sự hướng dẫn của giảng viên qua các học phần, học từ bạn bè qua các hoạt động học tập nhóm, học từ giáo viên mầm non qua dự giờ, qua tập thực tập nghề nghiệp, ....

### **2.2.1. Định hướng phát triển năng lực chuẩn bị kế hoạch dạy học cho trẻ làm quen với biểu tượng toán**

Để chuẩn bị xây dựng kế hoạch dạy học cho trẻ làm quen với toán, sinh viên cần:

- Xác định được nội dung chương trình, kết quả mong đợi cho trẻ LQVT trong chương trình GDMN.
- Xác định mục tiêu của từng đề tài cụ thể trong chương trình GDMN.
- Nhận biết đặc điểm nhận thức biểu tượng toán của trẻ theo từng độ tuổi.
- Thiết kế hoạt động chủ yếu phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ và đạt được mục tiêu đề tài.
- Ứng dụng CNTT trong việc tìm kiếm tài nguyên học tập.

Khi đó, giảng viên định hướng bằng cách:

- Yêu cầu sinh viên chia nhóm thảo luận và báo cáo kết quả thảo luận về nội dung chương trình cho trẻ LQVT trong chương trình GDMN theo từng độ tuổi, theo từng biểu tượng, ...
- Đưa ra 1 đề tài cụ thể (Ví dụ: Đếm nhóm có số lượng 3, nhận biết nhóm có 3 đối tượng, nhận biết số 3). Yêu cầu sinh viên xác định nhóm tuổi, biểu tượng, mục tiêu, thời lượng, hoạt động chủ yếu, trò chơi học tập, ....

### **2.2.2. Định hướng phát triển năng lực thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ làm quen với biểu tượng toán**

Để triển khai tổ chức được HĐ LQVT một cách hiệu quả, sinh viên cần:

- Chuẩn bị kỹ lưỡng kế hoạch dạy học: dụng cụ học tập, phương tiện dạy học, môi trường học,...
- Phối hợp thành thạo các phương pháp, phương tiện dạy học và phong cách sư phạm,...
- Ứng dụng CNTT trong việc thiết kế kế hoạch dạy học.
- Ứng dụng CNTT trong thiết kế trò chơi học tập LQVT.

Việc thiết kế kế hoạch hoạt động LQVT là kết quả của quá trình huy động những kiến thức liên quan đến phân tích nội dung chương trình cho trẻ mầm non làm quen với toán, xác định đặc điểm nhận thức trẻ mầm non làm quen với toán và kết quả mong đợi. Để PTNL thiết kế kế hoạch dạy học cho trẻ LQVT, giảng viên cần:

- Vận dụng phương pháp dạy học lớp học đảo ngược (giới thiệu một số kế hoạch dạy học mẫu, video lip dạy học cho trẻ làm quen với toán – phân tích những ưu điểm, hạn chế và bài học kinh nghiệm),...
- Vận dụng phương pháp dạy học hợp tác nhóm để sinh viên chủ động học tập, chia sẻ kiến thức lẫn nhau,...

### 2.2.3. Định hướng phát triển năng lực thực hiện/ triển khai kế hoạch hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với biểu tượng toán cho sinh viên

Năng lực thực hiện kế hoạch HĐ LQVT là năng lực cá biệt của mỗi người. Để PTNL này SV phải thường xuyên học tập, tích lũy kinh nghiệm chuyên môn, chủ động tìm kiếm tài liệu từ nhiều nguồn khác nhau để hình thành và PTNL tổ chức HĐ LQVT, cụ thể như:

- Học cách tương tác và giao tiếp với trẻ.
- Nhận biết đặc điểm, nhu cầu và động cơ học tập của trẻ.
- Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học và linh hoạt giải quyết vấn đề (các tình huống phát sinh trong tiến trình lên lớp).
- Ứng dụng CNTT trong triển khai kế hoạch hoạt động hướng dẫn LQVT.

Thực tiễn cho thấy, việc lập kế hoạch dạy học với triển khai thực hiện kế hoạch dạy học hoàn toàn không giống nhau vì đối tượng tác động là trẻ mầm non, khác hẳn nhau về tâm lí, sinh lí, do đó giảng viên cần:

- Dự đoán và đưa ra một số tình huống có thể xảy ra trong lớp học mầm non, ...
- Tổ chức cho sinh viên trải nghiệm nghề nghiệp qua hình thức tập giảng, ...

### 2.2.4. Định hướng phát triển năng lực đánh giá kết quả

Để phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập của trẻ, sinh viên cần:

- Xác định đúng mục tiêu của đề tài
- Xác định đúng mức độ nhận thức của trẻ để thiết kế hoạt động phù hợp với mục tiêu đề ra.
- Định hướng hành vi của trẻ trong quá trình hoạt động; phân tích kết quả HĐ của trẻ, định hướng hành vi tiếp theo của trẻ; ...
- Ứng dụng CNTT để đánh giá sự tiến bộ của trẻ.
- Ứng dụng CNTT để phục vụ công tác phối hợp với đồng nghiệp, cơ quan và gia đình trẻ được nhanh chóng thuận tiện và hiệu quả khi trở thành GVMN.

Để phát triển năng lực đánh giá kết quả học tập của trẻ cho sinh viên ngành GDMN, giảng viên cần:

- Giới thiệu một số biểu mẫu đánh giá kết quả học tập của trẻ.
- Yêu cầu sinh viên đánh giá kết quả tập dạy của nhóm mình và nhóm khác (đánh giá cả người đóng vai GVMN và cả người đóng vai trẻ).

## 3. Kết luận

Phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn trẻ làm quen với toán cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non Trường Đại học Đồng Tháp là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo giáo viên mầm non. Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và khảo sát thực tiễn, chúng tôi định hướng 4 biện pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động hướng dẫn cho trẻ làm quen với toán cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. Năng lực này cần được định hướng để hình thành và phát triển cho sinh viên bằng nhiều cách thức, tùy từng điều kiện cụ thể, giảng viên chủ động lựa chọn và phối hợp linh hoạt các biện pháp nhằm tối ưu hóa mặt mạnh của mỗi biện pháp. Tuy nhiên, để thực hiện tốt nhiệm vụ này, SV cần phải tích cực, chủ động hơn nữa để hình thành và phát triển năng lực nghề nghiệp. Đồng thời, xây dựng riêng cho bản thân kế hoạch học tập phù hợp, tự rèn luyện, trao dồi kiến thức để lĩnh hội tri thức mọi lúc mọi nơi ngay từ khi còn là sinh viên. Thực hiện tốt kế hoạch này, sinh viên, người giáo viên mầm non tương lai sẽ có NL giảng dạy phù hợp với yêu cầu đổi mới của ngành GD hiện nay.

*\*Lời cảm ơn:* Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài mã số SPD2023.01.17.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] HTT Hương, VN Minh & NT Nga, (2013). *Các hoạt động làm quen với toán của trẻ mầm non*, NXB giáo dục Việt Nam, 5.
- [2] HTD Phương, (2015). *Phát triển năng lực dạy trẻ làm quen biểu tượng toán học cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non*. Luận văn, Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế.
- [3] ĐTH Nga, (2023). *Phát triển năng lực tổ chức hoạt động làm quen với toán cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở trường cao đẳng sư phạm điện biên*. Luận văn, Trường Đại học sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- [4] NT Huyền, (2024). *Phát triển năng lực tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ mẫu giáo cho sinh viên đại học ngành Giáo dục Mầm non*. Luận án, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Đại học Thái Nguyên.
- [5] LT Lan, (2022). *Phát triển lực giải quyết vấn đề cho trẻ 5 -6 tuổi thông qua hoạt động trải nghiệm ở các trường mầm non thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp*. Trường Đại học Đồng Tháp. Việt Nam.
- [6] T Hoffmann, (1999). The meanings of competency. *Journal of European Industrial Training*, 23 (6), 275-285.
- [7] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). Thông tư ban hành chương trình giáo dục phổ thông kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [8] Debling G, (1989). *Standards, Program and NVES, Implication for Education*. Britain.
- [9] Richard SM, (2005). *Practical questions in building competency models*, Workitect Inc.
- [10] DH Cẩn & LD Cường, (2018). Phát triển năng lực dạy học dạy học cho sinh viên ngành giáo dục Tiểu học. *Tạp chí Khoa học*, 30 (2-2018), 13-18.
- [11] CT Thủy, (2017). Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, (419), 35-38.
- [12] PT Yên, (2021). Thực trạng năng lực nghề nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Mầm non ở Trường Đại học Quảng Bình. *Tạp chí khoa học Giáo dục*, 45, 48-53.
- [13] Trường Đại học Đồng Tháp, (2022). Chương trình giáo dục đại học đào tạo Giáo dục Mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 1998/QĐ-DHĐT ngày 11/8/2022 của Trường Đại học Đồng Tháp.
- [14] Clements DH, Sarama J, (2020). *Learning and teaching early math: The learning trajectories approach*. Routledge.
- [15] NT Nga (2021). Nội dung làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán trong chương trình Giáo dục Mầm non – Thực trạng và định hướng. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 39, 42- 46.
- [16] NTH Vi, (2022). Đề xuất giải pháp phát triển năng lực tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với biểu tượng Toán theo hướng trải nghiệm cho sinh viên ngành Giáo dục Mầm non. *Tạp chí Giáo dục*, 22(18), 37-41.
- [17] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018). Thông tư ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non kèm theo Thông tư số 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08/10/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.